

Số: 48 /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 776/TTr-SNV ngày 18 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau đây của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *VB*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về PL);
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, NC^{Thủy}.

Thủy

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Nghiêm



QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã);
b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố;
d) Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã;
đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, xóm, làng (gọi chung là thôn) được tổ chức ở xã, dưới xã là thôn; tổ dân phố, khu phố, khối phố (gọi chung là tổ dân phố) được tổ chức ở phường, dưới phường là tổ dân phố.

2. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã; là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, tổ dân phố hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với thực tiễn địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tổ chức thôn, tổ dân phố tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn, điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương.

2. Phát huy tính tự quản của cộng đồng dân cư, quyền làm chủ của Nhân dân; bảo đảm đoàn kết, đồng thuận xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; khuyến khích Nhân dân tham gia xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, an toàn và phát triển bền vững.

3. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, bình đẳng; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn.

4. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền địa phương, sự hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tăng cường phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản khác trên địa bàn trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cải cách hành chính trong tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của Nhân dân, tăng cường sự tương tác giữa Nhân dân với chính quyền địa phương, góp phần xây dựng chính quyền số, xã hội số và công dân số trên địa bàn tỉnh.

Chương II

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn, tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, để hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 5. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư

a) Tổ chức để cộng đồng dân cư bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng phục vụ cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân trong cộng đồng dân cư ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử

dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo vệ môi trường; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; khuyến khích các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật;

e) Biện pháp khuyến khích các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức tự quản, các tổ, nhóm cộng đồng trong việc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tại địa bàn;

g) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

h) Thực hiện các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Thôn, tổ dân phố thực hiện các hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

b) Năm bắt, tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; tham gia trao đổi, phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp công khai thông tin, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công, các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; khuyến khích thôn, tổ dân phố sử dụng nền tảng số, xây dựng và duy trì các kênh thông tin điện tử trên các nền tảng số được phép hoạt động theo quy định của pháp luật để tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội;

g) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ban công tác Mặt trận; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn;

h) Thực hiện các nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã.

3. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố; hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã, phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và Quy định số 541-QĐ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Tiêu chuẩn của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được xác định chức danh và số lượng theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND;

b) Tiêu chuẩn của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại thôn, tổ dân phố; có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm; phối hợp tham gia hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao; không trong thời gian giải quyết tố

cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại, kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án. Ngoài các tiêu chuẩn này, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố còn phải thực hiện theo tiêu chuẩn của điều lệ tổ chức mà người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là thành viên, theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức mà người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là thành viên, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 8. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm tính từ khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 9. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Tổ bầu cử gồm: Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố (không phải là người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố).

Các quyết định phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố, niêm yết tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

2. Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố

Tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu ít nhất 01 người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử (ít nhất 01 người). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản theo mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Điều 10. Tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và lựa chọn người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP. Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Việc lựa chọn người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

Điều 11. Việc công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và công nhận người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Việc công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Việc công nhận người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kèm danh sách lựa chọn người tham gia hoạt động ở

thôn, tổ dân phố, biên bản cuộc họp và một số tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan cấp xã (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định công nhận người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Điều 12. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Quy trình cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có đơn gửi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nêu rõ lý do xin thôi (lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình, hoặc lý do khác) hoặc người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành, phân công nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị hoặc vì lý do khác thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố có văn bản kèm danh sách cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, biên bản cuộc họp và một số tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan cấp xã (nếu có). Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định cho thôi làm người hoạt động ở thôn, tổ dân phố trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và các tài liệu kèm theo của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 13. Việc đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND được Ủy ban nhân dân cấp xã cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao, ưu tiên kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định và được hưởng chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người vi phạm quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đối với thôn, tổ dân phố thành lập sau sắp xếp, tổ chức lại và thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại năm 2026 được xác định thống nhất là nhiệm kỳ 2026-2031, bắt đầu từ tháng 7 năm 2026.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương

1. Sở Nội vụ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quy chế này;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định;

c) Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý, chỉ đạo hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan;

b) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về tình hình tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn và việc thực hiện Quy chế này; kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn;

c) Tổ chức giao ban định kỳ hoặc đột xuất với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để nắm bắt thông tin, chỉ đạo kịp thời hoạt động tại thôn, tổ dân phố; thường xuyên trao đổi, thông tin các nhiệm vụ, phong trào triển khai trên địa bàn và các nội dung cần lưu ý liên quan đến hoạt động thôn, tổ dân phố để Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kịp thời trao đổi thông tin đến Nhân dân bằng nhiều hình thức. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể tổ chức giao ban trực tuyến hoặc kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến nhằm bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí và phù hợp với điều kiện thực tế;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham

gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã xác định quy mô số hộ gia đình theo từng thôn, tổ dân phố trên địa bàn tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2026 sau khi thống nhất với Công an cấp xã để làm cơ sở xác định và chi trả chế độ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố bảo đảm đúng quy định. Định kỳ 02 năm, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Công an cấp xã thực hiện rà soát, xác định và điều chỉnh quy mô số hộ gia đình theo từng thôn, tổ dân phố trên địa bàn để thực hiện việc chi trả chế độ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố bảo đảm đúng quy định.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định, có trách nhiệm quán triệt, phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Quy chế này. Trường hợp những văn bản viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương./.